

Số: 244/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

---

**Trần Thanh Tùng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4051-2017-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>112.075.700.793</b>	<b>67.892.862.415</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.606.129.335	6.136.480.236
1. Tiền	111		23.606.129.335	6.136.480.236
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.188.181.488	188.181.488
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	25.188.181.488	188.181.488
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.044.129.805	44.604.880.146
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	34.013.769.453	32.436.965.714
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	1.471.876.308	2.134.305.043
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	14.593.386.564	11.947.861.673
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.034.902.520)	(1.914.252.284)
IV. Hàng tồn kho	140		15.237.260.165	16.963.320.545
1. Hàng tồn kho	141	5.7	15.237.260.165	16.963.320.545
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>12.139.187.721</b>	<b>11.276.533.341</b>
II. Tài sản cố định	220		10.218.234.086	10.974.645.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6.550.625.746	7.294.361.017
- Nguyên giá	222		10.296.998.360	12.324.349.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.746.372.614)	(5.029.988.177)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.667.608.340	3.680.284.900
- Nguyên giá	228		3.739.181.700	3.739.181.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.573.360)	(58.896.800)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.608.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.608.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		312.953.635	301.887.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	312.953.635	301.887.424
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>124.214.888.514</b>	<b>79.169.395.756</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>	<b>103.773.366.844</b>	<b>59.130.294.106</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>89.635.883.251</b>	<b>54.682.390.018</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	28.741.810.574	5.299.015.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 5.12	10.964.250.710	14.988.431.497
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.13	1.843.881.938	1.124.265.957
4. Phải trả người lao động	314	6.275.618.085	6.980.831.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.14	8.318.861.842	2.364.263.283
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.15	31.910.953.316	21.420.875.635
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.16	505.312.500	1.845.256.450
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	403.342.118	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	671.852.168	659.450.518
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>14.137.483.593</b>	<b>4.447.904.088</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14.137.483.593	4.447.904.088
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>20.441.521.670</b>	<b>20.039.101.650</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 5.17</b>	<b>20.441.521.670</b>	<b>20.039.101.650</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	8.100.000.000	8.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	8.100.000.000	8.100.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	9.765.000.000	9.565.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.576.521.670	2.374.101.650
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.576.521.670	2.374.101.650
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>	<b>124.214.888.514</b>	<b>79.169.395.756</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Phạm Trọng Tĩnh

Bùi Minh Thuận

Dương Đức Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	122.141.142.067	69.559.108.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.200.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		122.137.942.067	69.559.108.963
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	115.161.928.118	58.904.963.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.976.013.949	10.654.145.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	39.740.566	100.533.930
7. Chi phí tài chính	22	5.21	152.415.832	218.576.506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		152.352.145	131.999.362
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	2.062.554.000	3.544.142.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	2.843.437.973	3.937.076.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		1.957.346.710	3.054.884.205
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.585.349.492	77.949
12. Chi phí khác	32	5.23	219.519.634	12.355.303
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.365.829.858	(12.277.354)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.323.176.568	3.042.606.851
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	746.654.898	668.505.201
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.576.521.670	2.374.101.650
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	3.181	2.931

Người lập

*Phạm Trọng Tĩnh*

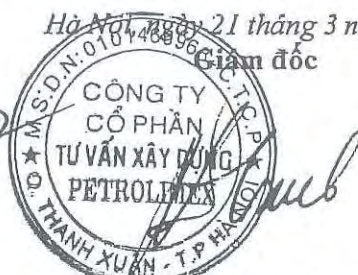
Phạm Trọng Tĩnh

Kế toán trưởng

*Bùi Minh Thuận*

Bùi Minh Thuận

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018  
Giám đốc



Dương Đức Toàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.323.176.568	3.042.606.851
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		743.700.426	708.691.758
- Các khoản dự phòng	03		523.992.354	1.743.127.893
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		21.404.941	82.964.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.574.187.907)	(100.533.930)
- Chi phí lãi vay	06		152.352.145	131.999.362
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.190.438.527	5.608.856.723
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.039.060.186)	(22.104.639.418)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.726.060.380	(7.778.017.146)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		47.938.448.634	28.688.229.811
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11.066.211)	(142.838.662)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(152.352.145)	(131.999.362)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(923.093.963)	(421.823.389)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		95.719.625	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.053.693.602)	(101.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.771.401.059	3.615.878.557
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.500.000)	(2.637.600.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.500.000.000)	(14.488.181.488)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.500.000.000	16.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.399.312	100.533.930
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.021.100.688)	(625.247.558)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.266.674.447	18.649.562.219
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.606.618.397)	(17.304.305.769)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.940.658.000)	(972.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.280.601.950)	373.256.450
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.469.698.421	3.363.887.449
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.136.480.236	2.855.557.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(49.322)	(82.964.789)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	23.606.129.335	6.136.480.236

Người lập

*Phạm Trọng Tĩnh*

Phạm Trọng Tĩnh

Kế toán trưởng

*Bùi Minh Thuận*

Bùi Minh Thuận

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



Dương Đức Toàn

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại chuyển Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103003671 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 12/03/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/01/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PEC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 là 8.100.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2017 VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	413.100	4.131.000.000	51%
Cá nhân cổ đông khác	396.900	3.969.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>810.000</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>100%</b>

Số lao động bình quân trong năm 2017: 89 người.

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tư vấn xây dựng cho các công trình khai thác dầu, khí; công trình hóa dầu, hóa chất; công trình kho xăng, dầu, khí hóa lỏng; công trình khí hóa lỏng công nghiệp, khí hóa lỏng chung cư; cửa hàng xăng dầu; tuyến ống phân phối khí, xăng dầu; cảng xuất nhập xăng dầu, khí đốt, hóa chất; công trình luyện kim; công trình cơ khí chế tạo; công trình năng lượng; công trình công nghiệp nhẹ; công trình công nghiệp thực phẩm; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng; công trình phục vụ nông nghiệp; kho chứa vật tư; công trình đường bộ; công trình thủy lợi; công trình cấp thoát nước; công trình xử lý chất thải; công trình chiếu sáng đô thị; công trình tự động hóa điều khiển; hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ. Tư vấn xây dựng công trình dân dụng gồm: Nhà ở, công trình văn hóa; công trình giáo dục; công trình y tế, thương nghiệp, nhà làm việc, khách sạn, nhà khác, nhà phục vụ giao thông; nhà phục vụ thông tin liên lạc.

Công việc tư vấn xây dựng cho các loại hình công trình nói trên gồm:

- Tư vấn chuẩn bị dự án: Lập quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển; Lập dự án đầu tư, lập Báo cáo đầu tư; lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Thẩm tra: Báo cáo lập quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, lập dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Tư vấn thực hiện dự án: Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn; Lập thiết kế lập tổng dự toán và dự toán; Thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán; Thiết kế nội, ngoại thất công trình.;
- Lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị; Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị,
- Tư vấn khác: Quản lý dự án; Điều hành thực hiện dự án; Đánh giá tác động môi trường và xử lý môi trường; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;